

Số: 1318 /BKHCN-TCCB

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2019

V/v cử viên chức tham dự thi thăng hạng  
chức danh nghề nghiệp viên chức KH&CN từ  
hạng III lên hạng II năm 2019.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Triển khai thực hiện Luật Viên chức năm 2010; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 161/2018/NĐ-CP); Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2012/TT-BNV); Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV); Thông tư số 17/2018/TT-BKHCN ngày 10/12/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ và ý kiến của Bộ Nội vụ tại văn bản số 1656/BNV-CCVC ngày 16/4/2019 góp ý Đề án tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN năm 2019, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị các cơ quan, đơn vị hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp trực thuộc về việc đăng ký tham dự kỳ thi thăng hạng viên chức chuyên ngành KH&CN từ hạng III lên hạng II năm 2019 và cử viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN từ hạng III lên hạng II năm 2019, cụ thể như sau:

#### **I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI**

1. Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ nghiên cứu viên (hạng III) lên nghiên cứu viên chính (hạng II):

Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ nghiên cứu viên (hạng III) mã số V.05.01.03 lên nghiên cứu viên chính (hạng II) mã số V.05.01.02 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng chức danh nghiên cứu viên chính hạng II) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên (hạng III) mã số V.05.01.03, hiện đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập, có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV.



2. Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kỹ sư (hạng III) lên kỹ sư chính (hạng II):

Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kỹ sư (hạng III) mã số V.05.02.07 lên kỹ sư chính (hạng II) mã số V.05.02.06 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng chức danh kỹ sư chính (hạng II)) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ sư (hạng III) mã số V.05.02.07, đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập, có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp kỹ sư chính (hạng II) quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV.

## **II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI**

Việc cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập.

Viên chức được cử dự thi thăng hạng chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) và kỹ sư chính (hạng II) khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu, được cấp có thẩm quyền cử dự thi.
2. Đang giữ chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên (hạng III), mã số V.05.01.03 đối với thi thăng hạng chức danh nghiên cứu viên chính hạng II.

Đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ sư (hạng III), mã số V.05.02.07 đối với thi thăng hạng chức danh kỹ sư chính hạng II.

3. Được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 01 (một) năm công tác liền kề với năm nộp hồ sơ dự thi; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

4. Có đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đối với thi thăng hạng chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II).

Có đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp kỹ sư chính (hạng II) quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đối với thi thăng hạng chức danh kỹ sư chính (hạng II).

## **III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI**

1. Môn thi kiến thức chung:

a) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, hiểu biết của viên chức về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ; xu hướng phát triển của khoa học và công nghệ phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công

nghệ hạng II (60% nội dung thi) và hiểu biết về pháp luật viên chức (40% nội dung thi);

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm;

c) Thời gian thi: 45 phút.

2. Môn thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nội dung thi: Kiểm tra, đánh giá trình độ, năng lực, kỹ năng nghiên cứu, triển khai, đề xuất giải pháp giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng II;

b) Hình thức thi: Thi viết (tự luận);

c) Thời gian thi: 180 phút.

3. Môn thi ngoại ngữ:

a) Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 (tương đương cấp độ B1 khung Châu Âu) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT. Viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc;

b) Hình thức thi: Thi viết;

c) Thời gian thi: 90 phút.

4. Môn thi tin học:

a) Nội dung thi: Kiểm tra trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 45 phút.

#### **V. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC**

1. Miễn thi môn ngoại ngữ đối với viên chức đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

a) Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

b) Viên chức có bằng đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ (trường hợp viên chức chỉ có một bằng đại học chuyên ngành là ngoại ngữ thì không được miễn thi và phải đăng ký thi ngoại ngữ khác).

2. Điều kiện miễn thi môn tin học:

Miễn thi môn tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học, toán - tin trở lên.



## **VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI**

### **1. Nội dung hồ sơ đăng ký dự thi**

a) Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc kỹ sư chính (hạng II) theo *Mẫu số 1* kèm công văn này;

b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BNV, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức theo *Mẫu số 2* kèm công văn này;

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm đối với viên chức quản lý theo *Mẫu 3* kèm công văn này;

d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc kỹ sư chính (hạng II), được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Trường hợp viên chức chưa có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học thì phải có văn bản cam kết sử dụng thành thạo ngoại ngữ, kỹ năng tin học ở trình độ theo quy định, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức xác nhận.

Trường hợp có đủ điều kiện được miễn thi môn ngoại ngữ và môn tin học thì phải nộp bản sao (có công chứng) các văn bằng, chứng chỉ làm căn cứ xét miễn thi môn ngoại ngữ, tin học để thẩm định.

đ) Bản sao các quyết định cử chủ trì/tham gia, biên bản nghiệm thu hoặc quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ở mức đạt trở lên; hoặc chứng nhận là tác giả/chủ biên sách chuyên khảo, bài báo khoa học đã được công bố theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc kỹ sư chính (hạng II).

e) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời gian 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi thăng hạng.

g) Bản sao Quyết định nâng lương gần nhất.

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ của cán bộ, công chức), kèm 02 ảnh kích thước 4cm x 6cm.

### **2. Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng**

a) Cơ quan có thẩm quyền cử viên chức dự thi thăng hạng lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của viên chức tham dự kỳ thi;

b) Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải chịu trách nhiệm về điều kiện, tiêu chuẩn



của viên chức cử dự thi và tính trung thực đối với nội dung trong hồ sơ dự thi thăng hạng của viên chức.

## **VIII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải dự thi đủ các môn thi, trừ những môn được miễn thi theo quy định; có điểm số của mỗi bài thi đạt từ 55 điểm trở lên, các bài thi được chấm theo thang điểm 100.

2. Viên chức không trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp không được bảo lưu kết quả cho các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

## **VII. CỬ VIÊN CHỨC THAM DỰ KỲ THI THĂNG HẠNG**

### **1. Đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ**

a) Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý về các văn bản hướng dẫn tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN từ hạng III (nghiên cứu viên, kỹ sư) lên hạng II (nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính) để viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi;

b) Viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều có quyền chuẩn bị hồ sơ đăng ký dự thi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi;

c) Cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ xem xét và cử viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi; chịu trách nhiệm về lý lịch, phẩm chất đạo đức, văn bằng, chứng chỉ, thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp, việc đã chủ trì, tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của chức danh nghề nghiệp hạng II.

Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ phải do người đứng đầu đơn vị ký, kèm theo danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi theo *Mẫu số 4a, Mẫu số 4b* công văn này và hồ sơ dự thi của viên chức.

### **2. Đối với các Bộ, ngành, địa phương**

a) Theo quy định tại điểm 2 khoản 14 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP thì các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II theo quy định hiện hành.

b) Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương không tổ chức thi và muốn cử viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN từ hạng III lên hạng II năm 2019 do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thi phải có văn bản cử viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi do



Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ký gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được cử dự thi lập theo *Mẫu số 4a, Mẫu số 4b* gửi kèm công văn này.

### 3. Thời hạn gửi văn bản, hồ sơ cử viên chức dự thi

a) Văn bản cử viên chức và hồ sơ dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN từ hạng III lên hạng II năm 2019 của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Tổ chức cán bộ), file mềm gửi về địa chỉ: [tranha@most.gov.vn](mailto:tranha@most.gov.vn) trước ngày 27/5/2019.

b) Văn bản cử viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN từ hạng III lên hạng II năm 2019 của Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 03/6/2019 (theo dấu bưu điện nơi gửi) theo địa chỉ: Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ, số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội, điện thoại: 04.35560615, file mềm gửi về địa chỉ: [tranha@most.gov.vn](mailto:tranha@most.gov.vn).

c) Đề nghị các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin (tên, số điện thoại, e-mail) của chuyên viên phụ trách về danh sách, hồ sơ của viên chức đăng ký dự thi để thuận tiện phối hợp công tác.

d) Quá thời hạn gửi văn bản, hồ sơ dự thi nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ không tiếp nhận văn bản và hồ sơ dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN từ hạng III lên hạng II năm 2019.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Tổ chức cán bộ, điện thoại: 04.35560615) để nghiên cứu, giải quyết./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Cơ quan TW của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Văn Tùng;
- Công thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Tùng